BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

(Ban hành theo quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội – 2024

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 2
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường 2
2.1. Sứ mạng 2
2.2. Tầm nhìn phát triển 3
2.3. Giá trị cốt lõi 3
2.4. Triết lý giáo dục 3
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo 3
3.1. Mục tiêu chung 3
3.2. Mục tiêu cụ thể 3
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 4
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 4
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ 5
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 5
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp 6
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo 7
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 7
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam 7
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 9
7.1 Thông tin tuyển sinh 9
7.2. Điều kiện tốt nghiệp 9
8. Chiến lược giảng dạy và học 10
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 15
9.1. Các hình thức đánh giá 15
9.2. Điểm đánh giá học phần, điểm trung bình học kỳ và xếp loại học lực 18
9.3. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs) 19
10. Cấu trúc chương trình đào tạo 20
10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá 20
10.2. Nội dung chương trình đào tạo 20
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 24
11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 28
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo 32

13. Mô tả tóm tắt học phần 33
14. Hướng dẫn thực hiện 70
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo 70
PHỤ LỤC 72

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành cử nhân ngành Quản trị kinh doanh (Bachelor of Business Administration - BBA) của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Chương trình đào tạo được áp dụng bằng hệ thống đào tạo tín chỉ với tổng khối lượng kiến thức toàn khoá là 136 tín chỉ bao gồm các khối kiến thức đại cương (38 tín chỉ), khối kiến thức chuyên nghiệp (98 tín chỉ). Trong khối kiến thức chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành (27 tín chỉ), kiến thức chung của ngành (46 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành tự chọn theo định hướng ứng dụng (25 tín chỉ). Phần kiến thức cơ sở ngành là những kiến thức cơ bản về kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh nhằm giúp người học có kiến thức căn bản về môi trường kinh doanh và các chức năng trong quản trị doanh nghiệp. Phần kiến thức chung của ngành là kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh có thể giúp người học có kiến thức nền tảng toàn diện về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp. Phần kiến thức chuyên ngành là những kiến thức tự chọn theo định hướng ứng dụng chuyên sâu và hiện đại về chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp, chuyên ngành quản trị bán hàng và chuyên ngành quản trị nhân lực. Chương trình dạy học được thiết kế theo một lộ trình linh hoạt cho phép người học có thể tự chủ động lên kế hoạch học tập và hoàn thành chương trình đào tạo theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường. Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học chính, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính và có thể tổ chức học tập thêm một học kỳ phụ trong kỳ nghỉ hè cho sinh viên.

Chương trình đào tạo đảm bảo cho người học đạt được một nền tảng kiến thức vững chắc, cùng với những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong kinh doanh để người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc ở các vị trí từ cấp chuyên viên cho đến các vị trí công việc của nhà quản trị chức năng và có thể nắm bắt được cơ hội thăng tiến đến vị trí quản trị cấp cao trong các tổ chức và doanh nghiệp. Người học sau khi tốt nghiệp cũng có được năng lực cần thiết cho mục tiêu khởi nghiệp và quản trị để phát triển bền vững doanh nghiệp mà họ tạo lập. Ngoài ra, còn có khả năng gia nhập vào đội ngũ nhân lực quản trị kinh doanh chất lượng theo yêu cầu hội nhập, đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và đất nước đối với các lĩnh vực liên quan.

Chương trình đào tạo còn nổi bật về tính cập nhật kiến thức hiện đại đối với các chức năng quản trị được thực thi trong tiến trình quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính linh hoạt trong tỷ lệ lựa chọn các học phần, tinh gọn trong số lượng chuẩn đầu ra và giảm bớt số lượng tín chỉ phải tích luỹ trong toàn chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kỳ hàng năm, đã được đối sánh với một số chương trình đào tạo uy tín trong nước và quốc tế, được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát của các bên liên quan đặc biệt là cựu người học và doanh nghiệp sử dụng lao động ngành quản trị kinh doanh. Thành công của chương trình đào tạo được thực hiện còn nhờ vào các hoạt động ngoại khoá hấp dẫn như: người học được tham gia câu lạc bộ kỹ năng và ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp, các cuộc thi ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp được tổ chức hàng năm; tham gia các buổi toạ đàm hướng nghiệp, hội thảo khoa học chuyên ngành và các talkshow cùng với các chuyên gia, các CEO và các cựu sinh viên thành đạt; tham gia chương trình thực tế doanh nghiệp - OJT (On the job training) với các doanh nghiệp, tập đoàn đã ký kết thoả thuận hợp tác với Khoa và Nhà trường.v.v.. Ngoài ra, sinh viên ngành quản trị kinh doanh còn có những cơ hội nhận học bổng hỗ trợ học tập của Nhà trường, học bổng khuyến học, học bổng tài trợ của các doanh nghiệp, cựu sinh viên, học bổng trao đổi học tập.v.v..

Chương trình Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình đào tạo được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định Số: 24/QĐ-KĐCLGD ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt/ tiếng Anh):	Cử nhân Quản trị kinh doanh/ Bachelor of Business Administration
2. Trình độ đào tạo/ Level of Education:	Đại học/ Undergraduate
3. Ngành đào tạo/ Major:	Quản trị kinh doanh/ Business Administration
4. Mã ngành/ Code:	7340101
5. Thời gian đào tạo/ Duration Time:	4 năm/ 4 years
6. Loại hình đào tạo/ Type of Education:	Chính quy/ Full-time
7. Ngôn ngữ đào tạo/ Language:	Tiếng Việt/ Vietnamese
8. Tên văn bằng tốt nghiệp/ Name of diploma:	Cử nhân quản trị kinh doanh/ Bachelor of Business Administration
9. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
10. Website:	https://uneti.edu.vn/
11. Khoa Quản lý CTĐT:	Khoa Quản trị và marketing
12. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	14/ 08/ 2024

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng

ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

"Học tập để kiến tạo tương lai"

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có tư duy thực hành cơ bản, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Quản trị kinh doanh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Áp dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành quản trị kinh doanh để tham gia tổ chức, điều hành và phát triển các hoạt động của doanh nghiệp, hoặc tự khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh độc lập một cách hiệu quả.

PO3: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, xây dựng ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp, tư duy phản biện để phát triển sự nghiệp và sử dụng tiếng Anh trong công việc.

PO4: Thể hiện được khả năng vận dụng công nghệ thông tin, kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành quản trị kinh doanh để hoàn thành công việc chuyên môn.

PO5: Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, quản lý công việc hiệu quả, tự cập nhật kiến thức để giải quyết các vấn đề chuyên môn, cũng như tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

Chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra của CTĐT
1	**Kiến thức chung**
PLO1	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
2	**Kiến thức chuyên môn**
PLO2	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
PLO3	**Áp dụng** được kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp để giải thích và xử lý các vấn đề cơ bản của doanh nghiệp
PLO4	**Nhận diện** được chiến lược kinh doanh và sự đóng góp của các chiến lược chức năng vào việc thực thi chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp
PLO5a	***Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp***
	Phân tích được mối liên hệ giữa các chức năng quản trị, chiến lược kinh doanh và dự án kinh doanh nhằm tạo dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp
PLO5b	***Module 2: Quản trị bán hàng***
	Phân tích được các yếu tố cốt lõi trong quản trị bán hàng nhằm đề xuất giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả bán hàng cho doanh nghiệp
PLO5c	***Module 3: Quản trị nhân lực***
	Phân tích được các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm đề xuất chính sách và giải pháp cho những vấn đề nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược tổ chức
3	**Kỹ năng chung**
PLO6	**Sử dụng** hiệu quả các hình thức giao tiếp và làm việc nhóm trong công việc chuyên môn
PLO7	**Sử dụng** tiếng Anh thành thạo ở mức B1 để giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc của đơn vị
PLO8	**Sử dụng** được tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp
4	**Kỹ năng chuyên môn**
PLO9	**Ứng dụng** được công nghệ thông tin và các giải pháp công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành doanh nghiệp

PLO10	**Thực hiện** được các quyết định tác nghiệp cơ bản trong quản trị doanh nghiệp phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh
PLO11a	***Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp***
	Tạo lập và **trình bày** được chiến lược kinh doanh, dự án kinh doanh khả thi nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của doanh nghiệp
PLO11b	***Module 2: Quản trị bán hàng***
	Xây dựng và **triển khai** được kế hoạch bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng của doanh nghiệp
PLO11c	***Module 3: Quản trị nhân lực***
	Xây dựng và **thực thi** được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của doanh nghiệp
5	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**
PLO12	**Chứng minh** được khả năng làm việc độc lập và quản lý công việc hiệu quả
PLO13	**Chứng minh** được khả năng tự học tập suốt đời, liên tục cập nhật và vận dụng kiến thức mới để phát triển nghề nghiệp
PLO14	**Thích ứng** với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, cơ quan chính quyền và các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Nhóm chuyên viên kinh doanh, bán hàng: nhân viên kinh doanh, trưởng cửa hàng bán lẻ, giám sát bán hàng.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng kinh doanh, giám đốc bán hàng vùng/khu vực, giám đốc phụ trách kinh doanh.v.v.;
- Nhóm chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh; lập kế hoạch tài chính, sản xuất, marketing, nhân sự; trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh; hỗ trợ trong giao dịch kinh doanh và sắp xếp công tác cho lãnh đạo; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phụ trách các phòng ban chức năng, giám đốc phụ trách bộ phận, giám đốc/tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp;
- Nhóm chuyên viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: chuyên viên kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng và năng suất, quản đốc phân xưởng sản xuất, chuyên viên điều phối

kho vận, mua sắm và quản lý hàng tồn kho, chuyên viên marketing, chuyên viên R&D, trưởng nhóm tiếp thị, chuyên viên nhân sự, chuyên viên phân tích tài chính và đầu tư, chuyên viên quản lý dự án.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng chức năng, giám đốc phụ trách các lĩnh vực chức năng trong doanh nghiệp, giám đốc/tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn;

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp: có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.
- Nhóm chuyên viên nghiên cứu, giảng dạy và quản lý thị trường: chuyên viên nghiên cứu quản trị kinh doanh, phân tích dự báo thị trường, quản lý thị trường tại các viện nghiên cứu tư vấn chính sách và kinh doanh/ cơ quan quản lý thị trường; trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ và các tập đoàn kinh tế.

Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp mà cử nhân Quản trị kinh doanh sẽ đảm nhận những vị trí công việc nào tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:

• *Nhân viên kinh doanh*

• *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản xuất, bán hàng, nhân sự, dự án, chất lượng, cung ứng vật tư*

• *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*

• *Trợ lý dự án*

• *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*

• *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*

- **5-10 năm:** cử nhân Quản trị kinh doanh có thể phát triển đến các vị trí:

• *Trưởng một đơn vị trực thuộc: trưởng cửa hàng bán lẻ, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*

• *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*

• *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*

- **Sau 10 năm,** với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh là:

• *Giám đốc doanh nghiệp*

• *Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn*

• *Chủ một doanh nghiệp phát triển bền vững*

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để có thể:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh Trường Đại học Thương mại;

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà nẵng;

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh Trường đại học Boise state – Hoa Kỳ;

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**																	
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5a**	**PLO5b**	**PLO5c**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11a**	**PLO11b**	**PLO11c**	**PLO12**	**PLO13**	**PLO14**
PO1	X	X																
PO2			X	X	X	X	X											
PO3								X	X	X								
PO4											X	X	X	X	X			
PO5																X	X	X

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2. Mức độ tương thích của chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung TĐQG / Chuẩn đầu ra	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		X													
PLO2		X			X										
PLO3	X			X	X										X
PLO4	X			X	X										X
PLO5a	X			X	X										X
PLO5b	X			X	X										X
PLO5c	X			X	X										X
PLO6						X		X	X	X		X	X	X	
PLO7											X				
PLO8							X	X							
PLO9			X												
PLO10						X		X		X					X
PLO11a						X		X		X					X
PLO11b						X		X		X					X
PLO11c						X		X		X					X
PLO12												X	X		X
PLO13												X		X	
PLO14												X			

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh)

+ Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Năm 2024, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có 05 phương thức tuyển sinh, cụ thể như sau:

(1). Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

(2). Phương thức 2: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024

(3). Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT

(4). Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức

(5). Phương thức 5: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Theo Điều 24, Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ban hành kèm theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ **2,00** trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có Chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

8. Chiến lược giảng dạy và học

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy người học phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Quản trị và Marketing đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập và các phương pháp dạy và học cụ thể. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Sinh viên sẽ sử dụng các phương pháp học tập chủ động, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như học với nhóm, thuyết trình, tăng cường thảo luận, nghiên cứu tình huống, chuyên đề, mở rộng phạm vi học tập… nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn ngành quản trị kinh doanh, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ cần thiết cho phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy động động cơ khởi nghiệp.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các phương pháp giảng dạy và học tập chủ yếu được sử dụng như sau:

Bảng 3. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	***Giảng dạy trực tiếp:*** - Thông tin được truyền đạt đến sinh viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và sinh viên lắng nghe. - Áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kĩ năng mới. - Hầu hết các học phần lý thuyết trong chương trình đào tạo được áp dụng.	*Thuyết giảng (Lecture)*	GV trình bày và giải thích nội dung bài giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.	PLO1; PLO2; PLO3; PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO7; PLO9
		Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	GV hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp sinh viên đạt được các kiến thức và kĩ năng.	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO7; PLO9

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
2	***Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học:*** - Phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của sinh viên. - Thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập, bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể. - Một số học phần lý thuyết trong khối kiến thức chuyên ngành, các học phần thực hành nghề nghiệp, tiểu luận môn học, khoá luận được áp dụng.	*Giải quyết vấn đề (Problem Solving)*	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - HV phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề. - Kết luận và vận dụng	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO8; PLO9 PLO10 PLO11a; PLO11b; PLO11c
		Tập kích não (Brainstorming)	- Trong quá trình làm việc nhóm, sinh viên đặt ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ, được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. - Sinh viên đóng góp ý kiến nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề. - Kết luận và vận dụng	PLO3; PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO8; PLO10 PLO11a; PLO11b; PLO11c
		Học theo tình huống (Case Study)	- Giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống thực tế tại doanh nghiệp ứng với từng nội dung học phần. - Sinh viên nghiên cứu tình huống, xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập. - Báo cáo kết quả sẽ giúp sinh viên tạo ra lối tư duy sâu	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO8; PLO13

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			để trao đổi với giảng viên, sinh viên khác.	
3	***Dạy học dựa trên hoạt động:*** - Khuyến khích sinh viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. - Sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.	*Đi thực tế (Field Trip)*	- Thực hiện giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp và sinh viên qua việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập. - Sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành, học phần thực tập cuối khoá và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.	PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO8; PLO10 PLO11a; PLO11b; PLO11c PLO12; PLO13; PLO14
		Tranh luận (Debates)	- Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và sinh viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. - Sinh viên đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO8; PLO13
		Thực hành (Practice)	- Giảng viên đưa ra đề bài thực hành, hướng dẫn về nội dung các bài thực hành. - Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành thao tác theo cá nhân.	PLO3; PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO7; PLO9; PLO10 PLO11a; PLO11b; PLO11c PLO12

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- Sinh viên được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp	
4	***Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu:*** Áp dụng trong các học phần có bài tập lớn, tiểu luận chuyên đề, thực tập, khoá luận tốt nghiệp, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo môn học, trình bày kế hoạch và học tập tự do – tự nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan.	*Dự án nghiên cứu/ đề án nghiên cứu (Research Project)*:	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ sinh viên thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO8 PLO11a; PLO11b; PLO11c PLO12; PLO13; PLO14
		Bài tập cá nhân (Work Assigment):	- Giảng viên giao đề bài, bài tập cá nhân. - Sinh viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Yêu cầu khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO7; PLO9; PLO12; PLO13
		Phương pháp đọc và nghiên cứu tài liệu (Reading and studying documents)	Phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO12; PLO13
		Học trực tiếp kết hợp trực	- Sử dụng các công nghệ giảng dạy điện tử, di động và	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
		tuyến (Blended learning)	phần mềm ứng dụng giảng dạy trực tuyến trong việc dạy và học. - Hầu hết các học phần trong chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên việc kết hợp bài giảng, tài liệu, video, các nguồn tài nguyên web, các thiết bị tương tác trực tuyến… trong bài học. - Việc tổ chức giảng dạy trực tiếp kết hợp với sự hỗ trợ trực tuyến của hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System) và Googlemeet	PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO13
5	***Dạy học tăng cường hợp tác:*** - Giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hành các kĩ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. - Tập trung làm cho sinh viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế. Các phương pháp hợp tác thường được sử dụng trong các học phần lý thuyết thuộc chương trình đào tạo. - Hầu hết các học phần lý thuyết thuộc khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp, mỗi học phần lý thuyết	*Thảo luận (Discussion)*	- Giảng viên đưa ra vấn đề - Sinh viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra. Phương pháp này giúp cho sinh viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với giảng viên, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO7; PLO8; PLO9; PLO10; PLO12; PLO13; PLO14
		Học nhóm (Teamwork Learning)	- Sinh viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình. - Sinh viên được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c PLO6; PLO7; PLO9
		Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng	PLO1; PLO2; PLO3 PLO4 PLO5a; PLO5b; PLO5c

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
	thường được bố trí 2-3 buổi thảo luận trực tiếp trên lớp và 2-3 buổi trực tuyến tuỳ thuộc vào thời lượng của mỗi học phần. Một số học phần thực hành cũng được giảng viên tổ chức cho thực hành theo nhóm, thực tập cuối khoá tại doanh nghiệp cũng có thể được tổ chức theo nhóm		dẫn sinh viên/nhóm sinh viên trả lời từng bước một.	PLO6; PLO7; PLO9; PLO13

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần từ đó bảo đảm học viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Khoa Quản trị và Marketing đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng được thể hiện rõ trong chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần trong chương trình đào tạo.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần…). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đề án môn học, hoặc báo cáo môn học kết hợp với vấn đáp.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh:

Bảng 4. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
A	**Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)**	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo Rubric 1, Rubric 2a, Rubric 2b, Rubric 3a, Rubric 3b.
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	*Mô tả phương pháp*: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	*Mô tả phương pháp*: Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể. Việc đánh giá được thực hiện theo Rubric 2a hoặc Rubric 2b (tuỳ từng trường hợp cụ thể)
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	*Mô tả phương pháp*: Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá được thực hiện theo Rubric 3a hoặc Rubric 3b
B	**Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá định kỳ/tổng kết học phần.

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	*Mô tả phương pháp:* Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10 (dựa trên đáp án được thiết kế sẵn). Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	*Mô tả phương pháp:* Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	*Mô tả phương pháp*: Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong mẫu Rubric 4
7	Báo cáo thực hành, Tiểu luận môn học, Đề án môn học (Written Report)	*Mô tả phương pháp*: Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5a, Rubric 5b, Rubric 5c.
8	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6a, Rubric 6b.
9	Đánh giá Khoá luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	*Mô tả phương* pháp: Khoá luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khoá luận bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 7a, Rubric 7b, Rubric 7c.

9.2. Điểm đánh giá học phần, điểm trung bình học kỳ và xếp loại học lực

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

3. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

4. Điểm học phần được tính như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

5. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A	(8,5 - 10)	Giỏi
	B^+	(7,8 - 8,4)	Khá Giỏi
	B	(7,0 - 7,7)	Khá
	C^+	(6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
	C	(5,5 - 6,2)	Trung bình
	D^+	(4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
	D	(4,0 - 4,7)	Yếu
b) Loại không đạt:	F^+	(3,0 - 3,9)	Kém
	F	(0,0 - 2,9)	Rất Kém

9.3. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5a	PLO5b	PLO5c	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11a	PLO11b	PLO11c	PLO12	PLO13	PLO14
A	**Đánh giá quá trình**																		
1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x			
3	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
B	**Đánh giá tổng kết**																		
4	Kiểm tra viết, tự luận	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x		x	
5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x			
6	Bảo vệ và thi vấn đáp			x	x	x	x	x		x	x							x	
7	Báo cáo thực hành, Tiểu luận môn học/Đề án môn học			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	
8	Đánh giá báo cáo thực tập					x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x

9	Đánh giá khoá luận tốt nghiệp					x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá **136** tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*, trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (chiếm 27,9%)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (chiếm 72,1%)
  - *Phần lý thuyết* *69 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *20 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(36,18,90)	x
002378	2. Toán ứng dụng cho kinh tế	KHƯD	3	(36,18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15,0,30)	x
002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	QT&MAR	1	(15,0,30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15,0,30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37,16,0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22,16,0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7,16,0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4,56,0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**27**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		***23***		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
001201	3. Quản trị học	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001104	4. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000519	5. Văn hoá kinh doanh	TM	2	(26,8,60)	x
000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39,18,90)	x
001109	7. Tài chính tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,18,90)	x
001717	8. Kế toán doanh nghiệp	KT	3	(39,18,90)	x
000568	9. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các học phần)		***4***		
001269	1. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002552	3. Hành vi tổ chức	QT&MAR	2	(26,8,60)	
000480	4. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	2	(26,8,60)	
001619	5. Kế toán quản trị	KT	2	(26,8,60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**46**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		***31***		
000497	1. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000970	2. Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001427	3. Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001392	4. Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001324	5. Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001345	6. Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000514	7. Thực hành quản trị tài chính	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001373	8. Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001349	9. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001426	10. Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001106	11. Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		***15***		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001608	2. Truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001607	4. Quản trị Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002568	6. Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001105	7. Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001601	8. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39,12,90)	
001371	9. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(36,18,90	x
001617	10. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36,18,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		**25**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.3.1. Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp		***25***		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001253	2. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001893	4. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000899	**Thực tập cuối khoá ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001288	1. Thương mại điện tử	TM	3	(36,18,90)	x
001612	2. Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001289	3. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
	2.3.2. Module 2: Quản trị bán hàng		***25***		
002719	1. Quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001999	2. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
002720	4. Thực hành quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000899	**Thực tập cuối khoá ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002384	1. Digital marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002381	2. Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002057	3. Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
	2.3.3. Module 3: Quản trị nhân lực		***25***		
002721	1. Tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002722	2. Phát triển nguồn nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
002723	4. Thực hành tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000899	**Thực tập cuối khoá ngành QTKD**	QT&MAR	**5**	(0,150,0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD**	QT&MAR	**9**	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002724	1. Quan hệ lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002725	2. Tổ chức và định mức lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002726	3. Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Thời gian đào tạo toàn khoá: 4 năm. Kế hoạch đào tạo dự kiến như sau:

MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Thời lượng	Ghi chú
	Học kỳ 1 (7 học phần BB)	**16**	
001535	Triết học Mác-Lênin	3(33,24,90)	BB
001102	Xác suất thống kê	3(36,18,90)	BB
000585	Pháp luật đại cương	2(26,8,60)	BB
000564	Kinh tế vi mô	2(26,8,60)	BB
001201	Quản trị học	3(36,18,90)	BB
000519	Văn hoá kinh doanh	2(26,8,60)	BB
000718	Giáo dục thể chất 1	1(0,30,30)	BB
	Học kỳ 2 (7 học phần BB)	**18**	
001942	Tiếng Anh 1	4(48,24,120)	BB
002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	1(15,0,30)	BB
000568	Pháp luật kinh tế	2(26,8,60)	BB
000565	Kinh tế vĩ mô	2(26,8,60)	BB
000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	3(39,12,90)	BB
001104	Marketing căn bản	3(36,18,90)	BB
001109	Tài chính tiền tệ	3(39,12,90)	BB
000719	Giáo dục thể chất 2	1(0,30,30)	BB
	Học kỳ 3 (6 học phần BB + chọn 1 trong TC1 + chọn 1 trong TC2)	**20**	
001943	Tiếng Anh 2	4(48,24,120)	BB

MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Thời lượng	Ghi chú
001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2(21,18,60)	BB
001053	Toán ứng dụng cho kinh tế	3(36,18,90)	BB
001717	Kế toán doanh nghiệp	3(39,12,90)	BB
001269	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2(26,8,60)	TC1.1
000480	Hệ thống thông tin quản lý	2(26,8,60)	TC1.2
001619	Kế toán quản trị	2(26,8,60)	TC1.3
000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2(26,8,60)	TC2.1
002552	Hành vi tổ chức	2(26,8,60)	TC2.2
000497	Quản trị nhân lực	3(36,18,90)	BB
000739	Giáo dục thể chất 3	1(0,30,30)	BB
	Học kỳ 4 (7 học phần BB + chọn 1 trong TC3)	**19**	
001944	Tiếng Anh 3	4(48,24,120)	BB
001537	Chủ nghĩa xã hội hoa học	2(21,18,60)	BB
002238	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	1(15,0,30)	BB
001392	Quản trị bán hàng	3(36,18,90)	BB
001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2(0,60,60)	BB
001107	Quản trị Marketing	3(36,18,90)	TC3.1
001608	Truyền thông marketing tích hợp	3(36,18,90)	TC3.2
001345	Thực hành quản trị nhân lực	3(0,90,90)	BB
000740	Giáo dục thể chất 4	1(0,30,30)	BB
	Học kỳ 5 (8 học phần BB)	**20**	
001945	Tiếng Anh 4	4(48,24,120)	BB
000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(21,18,60)	BB
000970	Quản trị tài chính	3(36,18,90)	BB
001373	Thực hành quản trị bán hàng	3(0,90,90)	BB
002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	3(37,16,0)	BB
002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	2(22,16,0)	BB
002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	1(7,16,0)	BB
002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	2(4,56,0)	BB
	Học kỳ 6 (5 học phần BB + chọn 1 trong TC4 + 1 học phần chuyên ngành theo Module 1 hoặc Module 2 hoặc Module 3)	**19**	
001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2(21,18,60)	BB
001426	Quản trị chiến lược	3(36,18,90)	BB
000514	Thực hành quản trị tài chính	2(0,60,60)	BB
001427	Quản trị sản xuất	3(36,18,90)	BB
001324	Phân tích hoạt động kinh doanh	3(36,18,90)	BB
001105	Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	3(0,90,90)	TC4.1

MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Thời lượng	Ghi chú
001601	Quản trị rủi ro	3(0,90,90)	TC4.2
001254	Quản trị chất lượng	3(36,18,90)	M1.CN
002719	Quản trị bán lẻ	3(36,18,90)	M2.CN
002721	Tuyển dụng nhân lực	3(36,18,90)	M3.CN
	Học kỳ 7 (2 học phần BB + chọn 1 trong TC5 + 1 trong TC6 + 3 học phần chuyên ngành theo Module1 hoặc Module2 hoặc Module3)	**18**	
002129	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1(15,0,30)	BB
001106	Quản trị kinh doanh quốc tế	3(36,18,90)	BB
001371	Quản trị hành chính văn phòng	3(0,90,90)	TC5.1
001617	Quản trị nhóm làm việc	3(0,90,90)	TC5.2
001370	Quản trị chuỗi cung ứng	3(39,12,90)	TC6.1
001607	Quản trị Logistics	3(39,12,90)	TC6.2
001253	Quản trị dự án	3(36,18,90)	M1.CN
000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2(0,60,60)	M1.CN
001893	Thực hành mô phỏng chiến lược	3(0,90,90)	M1.CN
001999	Quản trị quan hệ khách hàng	3(36,18,90)	M2.CN
000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2(0,60,60)	M2.CN
002720	Thực hành quản trị bán lẻ	3(0,90,90)	M2.CN
002722	Phát triển nguồn nhân lực	3(36,18,90)	M3.CN
000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2(0,60,60)	M3.CN
002723	Thực hành tuyển dụng nhân lực	3(0,90,90)	M3.CN
	Học kỳ 8 (1 học phần BB + chọn 1 trong TC7 + Khoá luận hoặc 3 học phần thay thế khoá luận theo Module1 hoặc Module2 hoặc Module3)	17	
002062	Quản trị đổi mới sáng tạo	3(36,18,90)	TC7.1
002568	Khởi sự kinh doanh	3(36,18,90)	TC7.2
000899	Thực tập cuối khoá	5(0,150,0)	BB
001604	*Khoá luận tốt nghiệp* *Các học phần thay thế khoá luận*	9(0,270,0)	
Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp			
001288	Thương mại điện tử	3(39,12,90)	M1.CN TTKL
001612	Quản trị thương hiệu	3(36,18,90)	M1.CN TTKL
001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3(36,18,90)	M1.CN TTKL
Module 2: Quản trị bán hàng			
002384	Digital marketing	3(36,18,90)	M2.CN

MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Thời lượng	Ghi chú
			TTKL
002381	Quản trị kênh phân phối	3(36,18,90)	M2.CN TTKL
002057	Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	3(36,18,90)	M2.CN TTKL
Module 3: Quản trị nhân lực			
002724	Quan hệ lao động	3(36,18,90)	M3.CN TTKL
002725	Tổ chức và định mức lao động	3(36,18,90)	M3.CN TTKL
002726	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3(36,18,90)	M3.CN TTKL

Ghi chú:

BB: Học phần bắt buộc; TC: Học phần tự chọn;

M1.CN: Học phần trong module1 chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp;

M2.CN: Học phần trong module2 chuyên ngành quản trị bán hàng;

M3.CN: Học phần trong module3 chuyên ngành quản trị nhân lực;

TTKL: Học phần thay thế khoá luận.

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Loại học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																
						PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5a	PLO5b	PLO5c	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11a	PLO11b	PLO11c	PLO12	PLO13	PLO14
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)							Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)								Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Thang Krathwohl 5 cấp độ)		
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**																					
1	001535	Triết học Mác-Lênin	3	1	BB	2									2							2	
2	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	3	BB	3,A	3								2							2	
3	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4	BB	2									2							2	
4	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5	BB	2									2							2	
5	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	6	BB	2									2							2	
6	000585	Pháp luật đại cương	2	1	BB	3,A									2								
7	001102	Xác suất thống kê	3	1	BB	2,A							2									2	
8	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	3	BB	3,A							2								2		
9	001942	Tiếng Anh 1	4	2	BB									2									
10	001943	Tiếng Anh 2	4	3	BB									2									
11	001944	Tiếng Anh 3	4	4	BB									3									
12	001945	Tiếng Anh 4	4	5	BB									3									
13	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	1	2	BB	2									2								
14	002238	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	1	4	BB		2														2,A		
15	002129	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	7	BB	3									2								
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																						
II.1	**Kiến thức cơ sở ngành**																						
16	000564	Kinh tế vi mô	2	1	BB		2,A		2													2	
17	000565	Kinh tế vĩ mô	2	2	BB		3,A		2												2		
18	001201	Quản trị học	3	1	BB		2,A						2									2	
19	001104	Marketing căn bản	3	2	BB		3,A						2								2		
20	000519	Văn hoá kinh doanh	2	1	BB		3						2										2,A
21	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	3	2	BB		2						2									2	

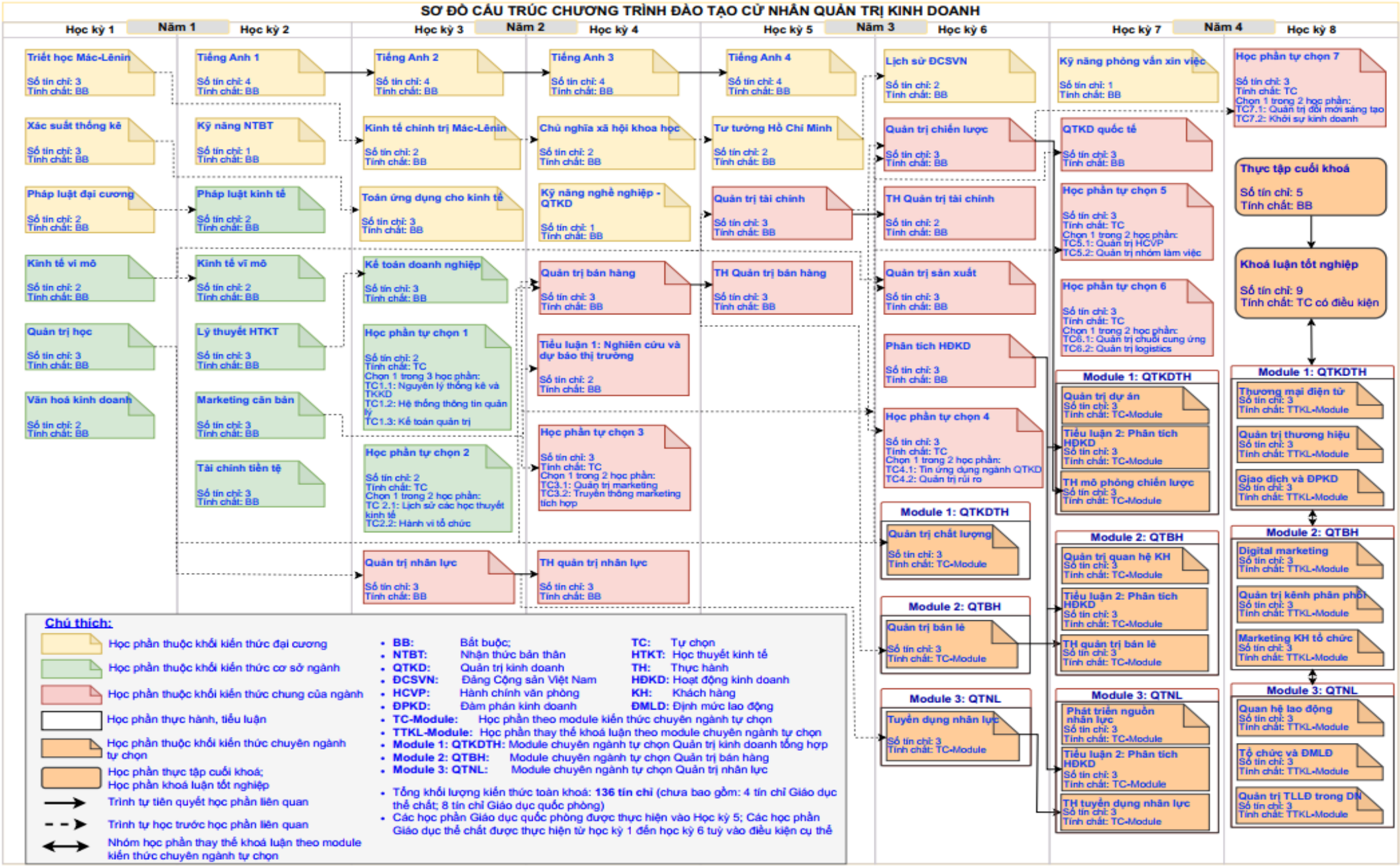
22	001109	Tài chính tiền tệ	3	2	BB		2															2	
23	001717	Kế toán doanh nghiệp	3	3	BB		3															2	2
24	000568	Pháp luật kinh tế	2	2	BB		3										2					2	2,A
25	001269	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	3	TC1		3																2
26	000480	Hệ thống thông tin quản lý	2	3	TC1		3									2						2	
27	001619	Kế toán quản trị	2	3	TC1		3										2					2	
28	000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	3	TC2		3																
29	002552	Hành vi tổ chức	2	3	TC2		3						2									2	
II.2	**Kiến thức chung của ngành**																						
30	000497	Quản trị nhân lực	3	3	BB			3,A	3				2				2					2	
31	000970	Quản trị tài chính	3	5	BB			3,A	3,A				2				2					2	
32	001427	Quản trị sản xuất	3	6	BB			3,A	3				2				2					2	
33	001392	Quản trị bán hàng	3	4	BB			3,A	3,A				2				2					2	
34	001324	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	6	BB			3,A					2				3					2	
35	001345	Thực hành quản trị nhân lực	3	4	BB			3					3,A			3,A	3				2		
36	000514	Thực hành quản trị tài chính	2	6	BB			3					3,A				3,A				3	2	
37	001373	Thực hành quản trị bán hàng	3	5	BB			3					3,A			3	3,A				3		
38	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2	4	BB				3				3			3					3,A		
39	001426	Quản trị chiến lược	3	6	BB				4,A				3									2	
40	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	7	BB				4,A				3									2	
41	001107	Quản trị marketing	3	4	TC3				4,A				3									2	
42	001608	Truyền thông marketing tích hợp	3	4	TC3				4,A				3									2	
43	001105	Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	3	6	TC4			3								3,A						2	
44	001601	Quản trị rủi ro	3	6	TC4			3														2	
45	001371	Quản trị hành chính văn phòng	3	7	TC5			3					3										
46	001617	Quản trị nhóm làm việc	3	7	TC5			3					3										
47	001370	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7	TC6			3,A														2	
48	001607	Quản trị Logistics	3	7	TC6			3,A														2	
49	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	8	TC7				4				3		3,A							2	
50	002568	Khởi sự kinh doanh	3	8	TC7				4				3		3,A							2	
II.3	**Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng**																						
	Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp (General Business Administration)																						
51.1	001254	Quản trị chất lượng	3	6	BB					4,A			3					2				2	
52.1	001253	Quản trị dự án	3	7	BB					4,A			3					2				2	
53.1	000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2	7	BB					4			3				3	3,A				3,A	
54.1	001893	Thực hành mô phỏng chiến lược	3	7	BB					4			3,A					3,A				3	

55.1	**000899**	**Thực tập cuối khoá**	5	8	BB					4,A			3,A		3,A		3,A	3,A			3,A	3,A	3,A
56.1	***001604***	***Khóa luận tốt nghiệp***	9	8	BB					4,A			3,A		3,A			3,A			3	3,A	3,A
57.1	001288	Thương mại điện tử	3	8	BB					4			3					3				3	
58.1	001612	Quản trị thương hiệu	3	8	BB					4,A			3					3				3,A	
59.1	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	8	BB					4			3,A					3				3,A	
	Module 2: Quản trị bán hàng (Sales Management)																						
51.2	002719	Quản trị bán lẻ	3	6	BB						4,A		3						2			2	
52.2	001999	Quản trị quan hệ khách hàng	3	7	BB						4,A		3						2			2	
53.2	000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2	7	BB						4		3				3		3,A			3,A	
54.2	002720	Thực hành quản trị bán lẻ	3	7	BB						4		3,A						3,A			3	
55.2	**000899**	**Thực tập cuối khoá**	5	8	BB						4,A		3,A		3,A		3,A		3,A		3,A	3,A	3,A
56.2	***001604***	***Khóa luận tốt nghiệp***	9	8	BB						4,A		3,A		3,A				3,A		3	3,A	3,A
57.2	002384	Digital marketing	3	8	BB						4		3						3			3,A	
58.2	002381	Quản trị kênh phân phối	3	8	BB						4,A		3						3			3,A	
59.2	002057	Marketing khách hàng tổ chức	3	8	BB						4		3,A						3			3	
	Module 3: Quản trị nhân lực (Human Resource Management)																						
51.3	002721	Tuyển dụng nguồn nhân lực	3	6	BB							4,A	3							3,A		2	
52.3	002722	Phát triển nguồn nhân lực	3	7	BB							4,A	3							3,A		2	
53.3	000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3	7	BB							4	3				3			3		3,A	
54.3	002723	Thực hành tuyển dụng nhân lực	2	7	BB							4	3,A							3,A		3	
55.3	**000899**	**Thực tập cuối khoá**	5	8	BB							4,A	3,A		3,A		3,A			3,A	3,A	3,A	3,A
56.3	***001604***	***Khóa luận tốt nghiệp***	9	8	BB							4,A	3,A		3,A					3,A	3	3,A	3,A
57.3	002724	Quan hệ lao động	3	8	BB							4	3							3		3	
58.3	002725	Tổ chức và định mức lao động	3	8	BB							4,A	3							3		3,A	
59.3	002726	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3	8	BB							4	3,A							3		3,A	

Mức năng lực	Mô tả mức độ năng lực của chuẩn đầu ra theo 3 lĩnh vực		
	Nhận thức/Kiến thức (Cognitive) Bloom, Anderson	**Kỹ năng (Psychomotor) Dave**	**Thái độ (Affective)**
Mức 6	Sáng tạo (Creating)	…….	……
Mức 5	Đánh giá (Evaluating)	Tự nhiên hóa/Làm thuần thục (Naturalization)	Hình thành phẩm chất/Tính cách hóa/ Hệ thống hóa (Characterizing)
Mức 4	Phân tích (Analyzing)	Phối hợp/Liên kết (Articulation)	Tổ chức hoặc Thiết lập (Organizing)
Mức 3	Áp dụng (Applying)	Làm chính xác (Precision)	Đánh giá hoặc Nội tâm hóa (Valuing)
Mức 2	Hiểu (Understanding)	Làm được/ Vận dụng/Thao tác (Manipulation)	Đáp ứng/ Phản hồi hiện tượng (Responding)
Mức 1	Biết/Nhớ (Remembering)	Bắt chước (Imitation):	Tiếp nhận (Receiving)

- A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



13. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
I. Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)						
1	Triết học Mác-Lênin	001535	3(33,24,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	001536	2(21,18,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin - Học phần song hành: Không	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng. Được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường, chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	001537	2(21,18,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác-Lênin - Học phần song hành: Không	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	000573	2(21,18,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học - Học phần song hành: Không	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh.

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	001538	2(21,18,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh - Học phần song hành: Không	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước thời kỳ hòa bình và công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).
6	Pháp luật đại cương	000585	2(26,8,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người,

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.
7	Xác suất thống kê	001102	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế tại trường đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, phân tích tương quan và hồi quy.
8	Toán ứng dụng trong kinh tế	002378	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Toán ứng dụng cho kinh tế là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành kinh tế, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế; kiến thức đại số tuyến tính như ứng dụng ma trận, hệ phương trình tuyến tính trong các bài toán kinh tế. Kiến thức về ứng dụng bài toán quy hoạch tuyến tính; sơ đồ mạng lưới Pert trong lập các mô hình kinh tế.

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
9	Tiếng Anh 1	001942	4(48,24,120)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: TOEIC đầu vào ≥ 275 - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.
10	Tiếng Anh 2	001943	4(48,24,120)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1 (Điểm TOEIC ≥ 350) - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học, tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2. Sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và phát âm thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường nghề nghiệp.
11	Tiếng Anh 3	001944	4(48,24,120)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 3 (Điểm TOEIC ≥ 425) - Học phần học trước: Không	Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
					- Học phần song hành: Không	bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ A2-B1. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.
12	Tiếng Anh 4	001945	4(48,24,120)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 3 (Điểm TOEIC ≥ 500) - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần Tiếng Anh 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này tập trung vào việc phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở trình độ B1. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được xây dựng kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp một cách tự tin, hiệu quả và linh hoạt trong môi trường làm việc.
13	Kỹ năng nhận thức bản thân	002151	1(15,0,30)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Kỹ năng nhận thức bản thân và lập kế hoạch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng nhận thức bản thân và lập kế hoạch như (Khái niệm, tầm quan trọng, các yếu tố cấu thành nên năng lực, giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân,

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống , từ đó biết cách lập kế hoạch cho bản thân).
14	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	002238	1(15,0,30)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: - Học phần học trước: Quản trị học - Học phần song hành:	Học phần kỹ năng nghề nghiệp – QTKD lựa chọn Kỹ lãnh đạo để giảng dạy nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng cơ bản của lãnh đạo: Kỹ năng xây dựng tầm nhìn; Kỹ năng ra quyết định; Kỹ năng truyền cảm hứng; Kỹ năng tạo động lực cho người lao động; Kỹ năng xây dựng lòng tin; Kỹ năng đàm phán và thương lượng.
15	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	002129	1(15,0,30)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
II.1. Kiến thức cơ sở ngành						
16	Kinh tế vi mô	000564	2(26,8,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.
17	Kinh tế vĩ mô	000565	2(26,8,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Kinh tế vi mô - Học phần song hành: Không	Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.
18	Quản trị học	001201	03(36,18,90)	Bắt buộc	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước : Không -Học phần song hành: Không	Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra), và một số vấn đề của quản trị học hiện đại như thông tin và ra quyết định quản trị, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi trong quá trình hoạt động của một tổ chức.
19	Marketing căn bản	001104	03(36,18,90)	Bắt buộc	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước : Không -Học phần song hành: Không	Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các kiến thức cơ bản về hành vi mua của khách hàng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó; Cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp như quyết định về sản phẩm, quyết định về giá bán, quyết định về phân phối và truyền thông marketing.
20	Văn hoá kinh doanh	000519	2(26,8,60)	Bắt buộc	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước : Không -Học phần song hành: Không	Văn hoá kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh, triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, để xác định các giá trị văn hóa doanh nhân và văn hóa doanh nghiệp.
21	Lý thuyết hạch toán kế toán	000681	03(39,12,90)	Bắt buộc	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước : Kinh tế vi mô, Pháp luật đại cương -Học phần song hành: Không	Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.
22	Tài chính tiền tệ	001109	03(39,12,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô - Học phần song hành: Không	Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính. Đồng thời vận dụng các kiến thức lý thuyết về tài chính, tiền tệ, ngân hàng; bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, ngân sách Nhà nước, tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính; chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, cách tính giá

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						trị thời gian của tiền. để giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn
23	Kế toán doanh nghiệp	001717	03(39,12,90)	Bắt buộc	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước: Lý thuyết hạch toán kế toán -Học phần song hành: Không	Kế toán doanh nghiệp là học phần kế toán của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Lý thuyết hạch toán kế toán và các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.
24	Pháp luật kinh tế	000568	02(26,8,60)	Bắt buộc	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước: Pháp luật đại cương -Học phần song hành: Không	Học phần Pháp luật kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, lý luận cơ bản về pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế.
25	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	001269	02(26,8,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần Nguyên lý thống kê và Thống kê kinh doanh là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Marketing. Học phần nghiên cứu

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong doanh nghiệp. Từ đó, làm cơ sở giúp nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định chính xác, kịp thời trong sản xuất, kinh doanh.
26	Lịch sử các học thuyết kinh tế	000566	02(26,8,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời kỳ cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Marx – Lenin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.
27	Hành vi tổ chức	002552	02(26,8,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Hành vi tổ chức là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung liên quan đến hành vi tổ chức. Nội dung thứ nhất là cách tiếp cận về khoa học hành vi, trong nội dung này học viên sẽ được cung cấp những kiến thức cụ thể liên quan đến cách tiếp cận khoa học hành vi, lịch sử phát triển của khoa học hành vi, phân tích mô hình hành vi trong tổ chức và một số vấn đề cần thay đổi trong con người. Nội dung lớn thứ hai là cơ sở của hành vi cá nhân và hành vi nhóm, trong nội dung này học viên sẽ tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng hành vi của cá nhân và

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						nhóm trong tổ chức. Ngoài ra, học phần này sẽ nghiên cứu thêm về những hình thức động viên nhân viên trong tổ chức dựa trên các lý thuyết động viên; tìm hiểu về khái niệm lãnh đạo theo tình huống và đặc điểm phong cách của các nhà lãnh đạo, xác định những yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của lãnh đạo.
28	Hệ thống thông tin quản lý	000480	02(26,8,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Hệ thống thông tin quản lý là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh bằng Hệ thống thông tin quản lý dựa trên cơ sở Công nghệ thông tin một cách có hệ thống. Mặt khác, học phần đề cập đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật nhất về quản trị các Hệ thống thông tin quản lý, quản trị các nguồn lực và vấn đề an toàn hệ thống thông tin quản lý.
29	Kế toán quản trị	001619	02(26,8,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Lý thuyết hạch toán kế toán - Học phần song hành: Không	Kế toán quản trị là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho việc lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí, phân loại chi phí, phân loại giá thành, quản trị giá thành cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. Cung cấp thông tin chi phí để tính điểm hòa vốn, phân

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận, sử dụng thông tin để ra các quyết định về cơ cấu chi phí, giá bán, tổ chức quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.
II.2. Kiến thức chung của ngành						
30	Quản trị nhân lực	000497	03(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị học - Học phần song hành: Không	Quản trị nhân lực là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chung của ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị con người trong tổ chức nhằm đạt được kết quả tốt nhất cho tổ chức và gia tăng sự thỏa mãn, phát triển của nhân viên. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về: các triết lý của quản trị nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, quan hệ lao động.
31	Quản trị tài chính	000970	03(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Kinh tế vi mô. - Học phần song hành: Không	Học phần Quản trị tài chính là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học nghành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mức tiền mặt và tồn kho tối ưu, phân tích thông tin về chi phí để kiểm soát, các biện pháp tiết kiệm chi phí hạ giá thành, quản trị doanh thu và lợi nhuận trong doanh nghiệp, các chính sách tín dụng bán hàng, khai thác các nguồn tài trợ và đầu tư ngắn hạn

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						hiệu quả nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.
32	Quản trị sản xuất	001427	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Marketing căn bản - Học phần song hành: Không	Sản xuất là một trong những chức năng cơ bản và đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra giá trị gia tăng của mọi doanh nghiệp. Hoạt động quản trị sản xuất là quản trị toàn bộ các hoạt động trực tiếp tạo ra sản phẩm hay dịch vụ của doanh nghiệp. Các hoạt động này rất đa dạng và phong phú, theo sát quá trình tạo giá trị gia tăng thông qua việc biến đổi các nguồn lực đầu vào thành sản phẩm/ dịch vụ đầu ra có chất lượng, qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường và giúp tổ chức đạt hiệu quả trong kinh doanh. Học phần Quản trị sản xuất là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức và kiểm soát quá trình sản xuất trong doanh nghiệp, trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Ngoài phần giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất, học phần tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò và phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo nhu cầu sản phẩm; thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quá trình sản xuất; hoạch định công suất; định vị doanh nghiệp; bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						dịch vụ; hoạch định tổng hợp; điều độ sản xuất; quản trị tồn kho và hoạch định nhu cầu vật tư.
33	Quản trị bán hàng	001392	3 (36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Marketing căn bản - Học phần song hành: Không	Quản trị bán hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần Quản trị bán hàng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản trị các hoạt động bán hàng, nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.
34	Phân tích hoạt động kinh doanh	001324	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần thuộc kiến thức chung ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng; nắm được tình hình sử dụng các nguồn lực đầu vào; kiểm soát chi phí thông qua biến động giá thành sản phẩm; phân tích được quá trình tiêu thụ, lợi nhuận; hiểu được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo tài chính từ đó đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
35	Thực hành quản trị nhân lực	001345	3(0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Quản trị nhân lực	Thực hành quản trị nhân lực là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
					- Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị nhân sự và ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đó vào thực tế quản trị nhân sự trong doanh nghiệp thông qua phần mềm Misa Amis về công tác quản trị nhân lực bao gồm: phân tích công việc, lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, bố trí nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá sự thực hiện công việc của người lao động, thù lao lao động và vận dụng Bộ luật lao động, giải quyết các mối quan hệ trong lao động trong doanh nghiệp.
36	Thực hành quản trị tài chính	000514	2 (0,60,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: quản trị tài chính - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần thực hành quản trị tài chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành, được bố trí giảng dạy sau học phần Quản trị tài chính. Học phần vận dụng các kiến thức đã học ở học phần quản trị tài chính giúp sinh viên thành thạo trong việc quản lý vốn cố định, vốn lưu động; doanh thu, lợi nhuận, lập bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh. Xây dựng được các chính sách tín dụng bán hàng mang lại lợi ích kinh tế cao nhất. Phân tích khai thác các nguồn vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.
37	Thực hành quản trị bán hàng	001373	3 (0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: quản trị bán hàng	Thực hành quản trị bán hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
					- Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	độ đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần thực hành quản trị bán hàng nhằm vận dụng kiến thức, kỹ năng của môn học quản trị bán hàng vào thực tế hoạt động quản trị bán hàng của doanh nghiệp bao gồm: xây dựng kế hoạch bán hàng, xác định quy mô đội ngũ bán hàng, thiết kế kênh phân phối, chăm sóc khách hàng và thực hành các kỹ năng bán hàng. Sử dụng phần mềm bán hàng Misa Amis để thực hành các nghiệp vụ bán hàng và quản lý bán hàng của doanh nghiệp.
38	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	001349	02(0,60,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Marketing căn bản, Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh - Học phần song hành: Không	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nghiên cứu và dự báo thị trường, giúp sinh viên thực hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích số liệu và ứng dụng kết quả vào dự báo nhu cầu thị trường. Kết quả nghiên cứu sẽ hỗ trợ doanh nghiệp ra quyết định chiến lược.
39	Quản trị chiến lược	001426	03 (36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Hoc phần học trước: Quản trị học, quản trị tài chính - Học phần song hành: Không	Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược và các nội dung trong các giai đoạn của quá trình đó bao gồm: hoạch định chiến lược (xác định nhiệm vụ kinh doanh, tầm nhìn và sứ

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						mệnh của doanh nghiệp, phân tích các yếu tố môi trường, sử dụng các công cụ để phân tích và lựa chọn chiến lược); tổ chức triển khai thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định.
40	Quản trị kinh doanh quốc tế	001106	03 (36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước:Quản trị học - Học phần song hành: Không	Quản trị kinh doanh quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản xoay quanh hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp như hội nhập quốc tế, các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về môi trường kinh doanh quốc tế, quản trị chiến lược kinh doanh quốc tế, quản trị sản xuất và quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế, … Từ đó, giúp người học có thể đánh giá tình hình thị trường, lựa chọn chiến lược thâm nhập và kinh doanh thành công trên thương trường quốc tế.
41	Quản trị marketing	001107	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Marketing căn bản - Học phần song hành: Không	Học phần Quản trị marketing là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị hoạt động marketing và việc ứng dụng các lý thuyết quản trị Marketing vào thực tiễn doanh nghiệp, bao gồm: Hoạch định chiến lược marketing; Quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						marketing; Phân tích môi trường marketing; Phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Các chiến lược cạnh tranh và phát triển; Quản trị các chương trình marketing bao gồm Quản trị sản phẩm và thương hiệu, Quản trị giá bán sản phẩm, Quản trị kênh phân phối và Quản trị truyền thông marketing tích hợp; Tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing.
42	Truyền thông marketing tích hợp	001608	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Marketing căn bản - Học phần song hành: Không	Truyền thông marketing tích hợp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing, bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng và quản lý hoạt động tuyền thông, nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp.
43	Quản trị chuỗi cung ứng	001370	3(39,12,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không	Học phần Quản trị chuỗi cung ứng cung cấp những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng; quản trị chuỗi cung ứng, những hoạt

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
					- Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	động chính của chuỗi cung ứng; mô hình đo lường hiệu quả hoạt động của một chuỗi cung ứng, công nghệ ứng dụng trong hoạt động của chuỗi cung ứng, từ đó người học có thể vận dụng kiến thức để đánh giá, phân tích các hoạt động quy trình trong chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp, sử dụng những mô hình để đo lường hiệu quả hoạt động của một chuỗi cung ứng.
44	Quản trị Logistics	001607	3(39,12,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần Quản trị Logistics là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics và quản trị logistics. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động quản trị logistics một cách hệ thống tại doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này; trong điều kiện môi trường kinh doanh trong thời kỳ hội nhập hiện nay.
45	Quản trị đổi mới sáng tạo	002062	3 (36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị chiến lược - Học phần song hành: Không	Quản trị đổi mới sáng tạo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị các khái niệm chính, mục đích, vai trò của đổi mới sáng tạo và nội dung quá trình quản trị đổi mới sáng tạo. Các mô hình đổi mới sáng tạo cũng như các mô hình tạo lập, tăng cường giá trị cho tổ

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						chức. Các kiến thức về nguồn gốc của đổi mới sáng tạo, chiến lược đổi mới sáng tạo, ưu nhược điểm của từng loại hình chiến lược đổi mới. Học phần cung cấp cho người học chiến lược, công cụ cần thiết trong thiết kế và phát triển sản phẩm để đổi mới sáng tạo và tiến hành thương mại hóa cho đổi mới sáng tạo.
46	Khởi sự kinh doanh	002568	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị chiến lược - Học phần song hành: Không	Khởi sự kinh doanh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiến trình khởi nghiệp và cách thức xây dựng mô hình kinh doanh. Trên nền tảng đó, học phần sẽ tập trung vào việc hình thành ý tưởng kinh doanh và xây dựng mô hình kinh doanh cho ý tưởng đã lựa chọn sau đó tạo lập doanh nghiệp và triển khai các việc làm cần thiết cho một doanh nghiệp mới.
47	Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	001105	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị tài chính - Học phần song hành: Không	Tin ứng dụng trong kinh doanh là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Ứng dụng phần mềm bảng tính Excel để thiết lập, tính toán các số liệu, quản lý dữ liệu, các tính năng giải quyết các bài toán tối ưu liên quan đến tiền lương, nhân sự, vật tư... phục vụ cho hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp; Ứng dụng phần mềm để phục vụ

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						hoạt động phân tích dữ liệu như : công cụ google form, phần mềm spss; Ứng dụng phần mềm POM trong quản lý điều hành sản xuất.
48	Quản trị rủi ro	001601	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị tài chính - Học phần song hành: Không	Quản trị rủi ro là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các nội dung và phương pháp chủ yếu về nhận dạng, phân tích, đo lường và các vấn đề thiết yếu về kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro dự án; quản trị rủi ro tài trợ và quản lý một số loại hình rủi ro khác.
49	Quản trị hành chính văn phòng	001371	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị học - Học phần song hành: Không	Quản trị hành chính văn phòng là học phần kiến thức chung của ngành của chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học quản trị kinh doanh. Học phần quản trị hành chính văn phòng trang bị cho sinh viên những kiến thức về chức năng quản trị hành chính văn phòng, bao gồm hoạch định và tổ chức, điều hành và kiểm tra công việc hành chính văn phòng và các nghiệp vụ hành chính trong các văn phòng doanh nghiệp, bao gồm: công

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						tác văn thư, công tác lưu trữ - hủy bỏ tài liệu, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác lễ tân soạn thảo các văn bản hành chính
50	Quản trị nhóm làm việc	001617	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị học - Học phần song hành: Không	Quản trị nhóm làm việc là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm. Thông qua học phần này giúp sinh viên có nhận thức khoa học về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng làm việc nhóm; hình thành cho sinh viên thái độ giao tiếp, làm việc nhóm tích cực, chủ động. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó sinh viên có được năng lực giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả trong sinh hoạt, học tập và công việc.
II. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Module)						
Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp (General Business Administration)						
51	Quản trị chất lượng	001254	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Quản trị học - Học phần song hành: Không	Quản trị chất lượng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học có nhận thức đúng đắn về chất

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						lượng sản phẩm/dịch vụ và quản trị chất lượng. Học phần giới thiệu cho sinh viên các hệ thống quản lý chất lượng tiêu biểu và một số phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên khả năng ứng dụng một số công cụ kiểm soát chất lượng, kỹ thuật quản trị chất lượng để nhận diện và giải quyết các vấn đề về chất lượng trong tổ chức.
52	Quản trị dự án	001253	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Quản trị học - Học phần song hành: Không	Quản trị dự án là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án, quản trị dự án; giới thiệu cho người học các tiêu chí lựa chọn dự án, các mô hình quản lý dự án. Học phần cũng giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp lập kế hoạch tiến độ dự án, lập ngân sách dự án, phân bổ nguồn lực, quản trị rủi ro dự án và các thủ tục, hình thức kết thúc dự án.
53	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	00516	2(0,60,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Phân tích hoạt động kinh doanh - Học phần học trước : Không - Học phần song hành: Không	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.
54	Thực hành mô phỏng chiến lược	001893	3(0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Quản trị chiến lược - Học phần học trước : Không - Học phần song hành: Không	Thực hành mô phỏng chiến lược là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn, là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học của học phần lý thuyết Quản trị chiến lược vào thực tiễn thông qua các nội dung cụ thể: nhận diện cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp và nhận diện chiến lược doanh nghiệp đang theo đuổi; phân tích và lựa chọn chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp trong 1 giai đoạn cụ thể.
55	**Thực tập cuối khóa**	**000899**	**5(0,150,0)**	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Thực tập cuối khóa là học phần cung cấp cho sinh viên những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của tổ chức. Học phần giúp sinh viên nắm được cách hệ thống hoá các kiến thức chuyên môn đã học được từ chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tại Nhà trường và từ các nghiên cứu khoa học đã thực hiện có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ biết cách xác định được vấn đề cần nghiên cứu từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị tại cơ sở thực tập. Ngoài ra,

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						sinh viên biết cách tự trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh.
56	**Khóa luận tốt nghiệp**	**001604**	**9(0,270,0)**	Tự chọn (có điều kiện)	- Học phần tiên quyết: Đã hoàn thành xong các học phần còn lại trong CTĐT và đủ điều kiện được tham gia làm KLTN theo quy định của Nhà trường -Học phần học trước : Đã học xong các học phần còn lại trong CTĐT - Học phần song hành: Không	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn được tích luỹ từ các học phần thuộc chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu.
57	Thương mại điện tử	001288	3(39,12,90)	Thay thế khoá luận	-Học phần tiên quyết: Không -Học phần học trước : Không -Học phần song hành: Không	Học phần Thương mại điện tử nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị các kiến thức về các khái niệm, các mô hình kinh doanh TMĐT, cơ sở hạ tầng công nghệ, hoạt động sản xuất và phân phối, hành vi người tiêu dùng trong thương mại điện tử, thiết kế website và công nghệ bảo mật trong TMĐT.
58	Quản trị thương hiệu	001612	3(36,18,90	Thay thế	-Học phần tiên quyết: Không	Học phần Quản trị thương hiệu là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo đại học ngành quản trị. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Quản trị học và kinh tế vi mô vĩ

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
				khoá luận	-Học phần học trước : Quản trị học, Marketing căn bản, Văn hoá kinh doanh -Học phần song hành: Không	mô. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: cơ bản về thương hiệu, chiến lược xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu, quản trị danh mục thương hiệu, các vấn đề về định giá thương hiệu và bảo vệ thương hiệu trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay ở Việt Nam.
59	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	001289	3(36,18,90	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Quản trị học, Marketing căn bản, Văn hoá kinh doanh -Học phần song hành: Không	Học phần Giao dịch và Đàm phán kinh doanh thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về nghệ thuật giao dịch và đàm phán trong môi trường kinh doanh. Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc, chiến lược và kỹ thuật đàm phán, từ đó nâng cao khả năng thuyết phục, giải quyết xung đột và đạt được các thỏa thuận có lợi cho các bên liên quan.
Module 2: Quản trị bán hàng (Sales Management)						
51	Quản trị bán lẻ	002279	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị bán hàng - Học phần song hành: Không	Học phần quản trị bán lẻ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị bán hàng. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nghành công nghiệp bán lẻ; cũng như các kiến thức về quản trị hoạt động bán lẻ như: xây dựng chiến lược bán lẻ, tổ chức hoạt động bán lẻ, kiểm soát hoạt động bán

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						lẻ. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cần thiết để có thể hiểu về hoạt động của các tổ chức bán lẻ hoặc có thể tự tổ chức hoạt động bán lẻ của doanh nghiệp mình mà không cần qua trung gian phân phối.
52	Quản trị quan hệ khách hàng	001999	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh, Học phần cung cấp cho sinh viên về kiến thức tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp. Ngoài ra, Học phần này cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.
53	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	000516	2(0,60,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Phân tích hoạt động kinh doanh - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.
54	Thực hành quản trị bán lẻ	002720	3(0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Quản trị bán lẻ - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Thực hành quản trị bán lẻ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị bán hàng. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng thực tế hoạt động quản trị bán lẻ trong các doanh nghiệp bao gồm: xây dựng mục tiêu và chiến lược bán lẻ, lựa chọn loại hình bán lẻ, quyết định danh mục hàng hóa và giá bán, quyết định địa điểm và bài trí không gian, xúc tiến bán lẻ, tổ chức lực lượng bán lẻ và lập ngân sách, xây dựng quy trình kiểm tra bán lẻ. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành các nghiệp vụ quản trị bán lẻ trên phần mềm dụng trong bán lẻ, có tính ứng dụng cao trong thực tế.
55	**Thực tập cuối khóa**	**000899**	**5(0,150,0)**	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Không - Học phần song hành: Không	Thực tập cuối khóa là học phần cung cấp cho sinh viên những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của tổ chức. Học phần giúp sinh viên nắm được cách hệ thống hoá các kiến thức chuyên môn đã học được từ chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tại Nhà trường và từ các nghiên cứu khoa học đã thực hiện có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ biết cách xác định được vấn đề cần nghiên cứu từ thực tiễn hoạt động

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						sản xuất kinh doanh và quản trị tại cơ sở thực tập. Ngoài ra, sinh viên biết cách tự trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh.
56	**Khóa luận tốt nghiệp**	**001604**	**9(0,270,0)**	Tự chọn (có điều kiện)	- Học phần tiên quyết: Đã hoàn thành xong các học phần còn lại trong CTĐT và đủ điều kiện được tham gia làm KLTN theo quy định của Nhà trường - Học phần học trước : Đã học xong các học phần còn lại trong CTĐT - Học phần song hành: Không	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn được tích luỹ từ các học phần thuộc chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu.
57	Digital Marketing	002384	3(36,18,90)	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Không - Học phần song hành: Không	Học phần Digital Marketing thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những lý luận cơ bản về Digital Marketing và tầm quan trọng của Digital Marketing trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông trong môi trường số và các công cụ Digital như: Marketing qua công cụ tìm kiếm, Marketing qua mạng xã hội, email Marketing, mobile Marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng phân tích

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						được các công cụ Digital Marketing và vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông Marketing tổng thể.
58	Quản trị kênh phân phối	002381	3(36,18,90)	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị bán hàng - Học phần song hành: Không	Quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về tổ chức và quản trị hệ thống kênh phân phối sản phẩm của các doanh nghiệp như những nội dung về sự hoạt động của kênh phân phối, cấu trúc kênh, môi trường kênh phân phối, thiết kế quản trị, đánh giá kênh phân phối.
59	Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	002057	3(36,18,90)	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản - Học phần học trước:Quản trị bán hàng - Học phần song hành: Không	Học phần Marketing khách hàng tổ chức là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm hành vi mua của tổ chức và cách thức thực hiện hoạt động marketing đối với khách hàng là các tổ chức, doanh nghiệp, bao gồm: Đặc điểm khách hàng tổ chức và quản trị marketing với thị trường khách hàng tổ chức; Hành vi mua của khách hàng tổ chức; Xây dựng chiến lược marketing và các chính sách marketing mix với khách hàng tổ chức
Module 3: Quản trị nhân lực (Human Resource Management)						

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
51	Tuyển dụng nhân lực	002721	3 (36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Quản trị nhân lực - Học phần song hành: Không	Tuyển dụng nhân lực là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tuyển dụng nhân lực cho các tổ chức/doanh nghiệp, như: xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; lựa chọn nguồn và các phương pháp phù hợp để tuyển mộ, sàng lọc ứng viên; xây dựng quy trình tuyển dụng nhân lực; đo lường và đánh giá hiệu quả tuyển dụng nhân.
52	Phát triển nguồn nhân lực	002722	3 (36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Quản trị nhân lực - Học phần song hành: Không	Phát triển nguồn nhân lực là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần Quản trị học, Quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thực hiện đánh giá đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phát triển sự nghiệp, quản trị hiệu suất, phát triển tổ chức và phát triển nguồn nhân lực trong tương lai.
53	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	000516	2(0.60,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Phân tích hoạt động kinh doanh - Học phần học trước : Không - Học phần song hành: Không	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH /TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.
54	Thực hành tuyển dụng nhân lực	002723	3 (0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Tuyển dụng nhân lực - Học phần học trước: Không - Học phần song hành: Không	Thực hành tuyển dụng nhân lực là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn sâu thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị những kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng vào thực tế tuyển dụng nhân lực cho các tổ chức/doanh nghiệp, bao gồm: xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tìm kiếm nguồn và lựa chọn phương pháp tuyển dụng nhân lực; thiết lập quy trình tuyển dụng nhân lực; thực hành đo lường, đánh giá tuyển dụng nhân lực; thực hành thủ tục tuyển dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt nam.
55	**Thực tập cuối khóa**	**000899**	**5(0,150,0)**	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước : Không - Học phần song hành: Không	Thực tập cuối khóa là học phần cung cấp cho sinh viên những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của tổ chức. Học phần giúp sinh viên nắm được cách hệ thống hoá các kiến thức chuyên môn đã học được từ chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tại Nhà trường và từ các nghiên cứu khoa học đã thực hiện có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ biết cách xác định được vấn đề cần nghiên cứu từ thực tiễn hoạt động

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						sản xuất kinh doanh và quản trị tại cơ sở thực tập. Ngoài ra, sinh viên biết cách tự trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh.
56	**Khóa luận tốt nghiệp**	**001604**	**9(0,270,0)**	Tự chọn (có điều kiện)	- Học phần tiên quyết: Đã hoàn thành xong các học phần còn lại trong CTĐT và đủ điều kiện được tham gia làm KLTN theo quy định của Nhà trường - Học phần học trước : Đã học xong các học phần còn lại trong CTĐT - Học phần song hành: Không	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn được tích luỹ từ các học phần thuộc chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu.
57	Quan hệ lao động	002724	3(36,18,90)	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị nhân lực - Học phần song hành: Không	Quan hệ lao động là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học Module Quản trị nhân lực chuyên sâu. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng xử lý mọi mối quan hệ lao động trong tổ chức. Học phần bao gồm những kiến thức lý luận và kĩ năng cơ bản về quan hệ lao động như bản chất quan hệ lao động, các chủ thể của quan hệ lao động, cơ chế tương tác giữa các chủ thể trong quan hệ lao động, đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, phòng ngừa và giải quyết

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						tranh chấp lao động, thiết lập và duy trì quan hệ lao động lành mạnh trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam.
58	Tổ chức và định mức lao động	002725	3(36,18,90)	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị nhân lực - Học phần song hành: Không	Tổ chức và định mức lao động là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về tổ chức và định mức lao động cho các tổ chức/doanh nghiệp, như: bản chất, ý nghĩa, nguyên tắc và vai trò của tổ chức và định mức lao động; Các biện pháp tổ chức lao động khoa học như phân công và hiệp tác (hợp tác) lao động, tổ chức phục vụ nơi làm việc và cải thiện điều kiện lao động; Xây dựng chế độ làm việc nghỉ ngơi hợp lý, định mức lao động, các dạng mức lao động, các phương pháp định mức lao động, tổ chức và quản lý mức lao động, các tiêu chuẩn để định mức kỹ thuật lao động, xây dựng mức lao động và tổ chức lao động khoa học.
59	Quản trị thù lao lao động trong kinh doanh	002726	3(36,18,90)	Thay thế khoá luận	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị nhân lực - Học phần song hành: Không	Quản trị thù lao lao động là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp như: bản chất; vai trò của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp; các nhân tố ảnh hưởng và kết cấu của quản trị thù lao lao động; quản trị tiền lương, tiền thưởng, quản trị các chương trình phúc lợi, các

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						nội dung về quy chế trả lương, thưởng, phúc lợi trong doanh nghiệp.

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

14. Hướng dẫn thực hiện

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật./.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 Năm 2024

TRƯỞNG KHOA	**HIỆU TRƯỞNG**
(Đã ký)	(Đã ký)
TS. Lưu Khánh Cường	**TS. Trần Hoàng Long**

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung PLOs	Học phần đáp ứng PLO	Mức độ đóng góp	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng PLO
PLO1	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	Triết học Mác-Lênin	2	CLO1, CLO2
		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3,A	CLO1
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CLO1 , CLO2
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CLO1, CLO2
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CLO1, CLO2, CLO3
		Pháp luật đại cương	3,A	CLO1, CLO2, CLO3
		Kỹ năng nhận thức bản thân	2	CLO1, CLO2, CLO3
		Kỹ năng phỏng vấn xin việc	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Xác suất thống kê	2,A	CLO1, CLO2
		Toán ứng dụng trong kinh tế	3,A	CLO1
PLO2	**Áp dụng** được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực nghề nghiệp trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	CLO2, CLO3
		Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	2	CLO1, CLO2
		Quản trị học	2, A	CLO1
		Marketing căn bản	3, A	CLO1, CLO2, CLO3
		Văn hoá kinh doanh	3	CLO1, CLO2
		Hành vi tổ chức	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Hệ thống thông tin quản lý	3	CLO1, CLO2
		Kinh tế vi mô	2,A	CLO1, CLO2
		Kinh tế vĩ mô	3,A	CLO1, CLO2
		Lý thuyết hạch toán kế toán	2	CLO1, CLO2

		Tài chính tiền tệ	2	CLO1, CLO2
		Kế toán doanh nghiệp	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Pháp luật kinh tế	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Kế toán quản trị	3	CLO1, CLO2
PLO3	**Áp dụng** được kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp để giải thích và xử lý các vấn đề cơ bản của doanh nghiệp	Quản trị nhân lực	3, A	CLO2
		Quản trị tài chính	3,A	CLO1, CLO2
		Quản trị sản xuất	3,A	CLO2, CLO3
		Quản trị bán hàng	3, A	CLO1
		Phân tích hoạt động kinh doanh	3,A	CLO1, CLO2
		Thực hành quản trị nhân lực	3	CLO1
		Thực hành quản trị tài chính	3	CLO1
		Thực hành quản trị bán hàng	3	CLO1
		Quản trị chuỗi cung ứng	3,A	CLO1, CLO1, CLO3
		Quản trị Logistics	3,A	CLO1, CLO2, CLO3
		Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	3	CLO1
		Quản trị rủi ro	3	CLO1, CLO2
		Quản trị hành chính văn phòng	3	CLO1, CLO2, CLO3
		Quản trị nhóm làm việc	3	CLO1
PLO4	**Nhận diện** được chiến lược kinh doanh và sự đóng góp của các chiến lược chức năng vào việc thực thi chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp	Kinh tế vi mô	2	CLO2
		Kinh tế vĩ mô	2	CLO4
		Quản trị nhân lực	3	CLO1
		Quản trị tài chính	3, A	CLO3
		Quản trị sản xuất	3	CLO1
		Quản trị bán hàng	3,A	CLO2
		Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	3	CLO1, CLO2

		Quản trị chiến lược	4,A	CLO1, CLO2
		Quản trị kinh doanh quốc tế	4,A	CLO1
		Quản trị marketing	4,A	CLO1, CLO2
		Truyền thông marketing tích hợp	4,A	CLO1, CLO2
		Quản trị đổi mới sáng tạo	4	CLO1, CLO2, CLO3
		Khởi sự kinh doanh	4	CLO1
PLO5a	**Phân tích** được mối liên hệ giữa các chức năng quản trị, chiến lược kinh doanh và dự án kinh doanh nhằm tạo dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp	Quản trị chất lượng	4, A	CLO1
		Quản trị dự án	4, A	CLO1
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	4	CLO1
		Thực hành mô phỏng chiến lược	4	CLO1
		Thực tập cuối khoá	4, A	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp	4, A	CLO2
		Thương mại điện tử	4	CLO1, CLO2
		Quản trị thương hiệu	4,A	CLO1
		Giao dịch và đàm phán kinh doanh	4	CLO1, CLO4
PLO5b	**Phân tích** được các yếu tố cốt lõi trong quản trị bán hàng nhằm đề xuất giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả bán hàng cho doanh nghiệp	Quản trị bán lẻ	4,A	CLO1, CLO2
		Quản trị quan hệ khách hàng	4,A	CLO1, CLO2
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	4	CLO1
		Thực hành quản trị bán lẻ	4	CLO1
		Thực tập cuối khoá	4, A	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp	4, A	CLO2
		Digital marketing	4	CLO1
		Quản trị kênh phân phối	4,A	CLO1, CLO2
		Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	4	CLO1, CLO2
PLO5c	**Phân tích** được các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm đề xuất chính sách và giải	Tuyển dụng nhân lực	4,A	CLO1, CLO2
		Phát triển nguồn nhân lực	4,A	CLO1, CLO2
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	4	CLO1

	pháp cho những vấn đề nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược tổ chức	Thực hành tuyển dụng nhân lực	4	CLO1
		Thực tập cuối khoá	4, A	CLO1
		Khóa luận tốt nghiệp	4, A	CLO2
		Quan hệ lao động	4	CLO1, CLO2, CLO3
		Tổ chức và định mức lao động	4,A	CLO1, CLO2, CLO3
		Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	4	CLO1, CLO2
PLO6	**Sử dụng** hiệu quả các hình thức giao tiếp và làm việc nhóm trong công việc chuyên môn	Xác suất thống kê	2	CLO3, CLO4
		Toán ứng dụng trong kinh tế	2	CLO3, CLO4
		Quản trị học	2	CLO2
		Marketing căn bản	2	CLO4, CLO5
		Văn hoá kinh doanh	2	CLO3
		Lý thuyết hạch toán kế toán	2	CLO3
		Hành vi tổ chức	2	CLO4
		Quản trị nhân lực	2	CLO3
		Quản trị tài chính	2	CLO4
		Quản trị sản xuất	2	CLO5
		Quản trị bán hàng	2	CLO3
		Phân tích hoạt động kinh doanh	2	CLO3
		Thực hành quản trị nhân lực	3,A	CLO4, CLO5
		Thực hành quản trị tài chính	3,A	CLO2
		Thực hành quản trị bán hàng	3,A	CLO2, CLO3
		Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	3	CLO3
		Quản trị chiến lược	3	CLO3, CLO4
		Quản trị kinh doanh quốc tế	3	CLO2
		Quản trị marketing	3	CLO3, CLO4
		Truyền thông marketing tích hợp	3	CLO3, CLO4
		Quản trị hành chính văn phòng	3	CLO3

		Quản trị nhóm làm việc	3	CLO2
		Quản trị đổi mới sáng tạo	3	CLO4
		Khởi sự kinh doanh	3	CLO4, CLO5
		Quản trị chất lượng	3	CLO2
		Quản trị dự án	3	CLO2
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3	CLO2
		Thực hành mô phỏng chiến lược	3,A	CLO4, CLO5
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO5
		Khóa luận tốt nghiệp	3,A	CLO3, CLO4
		Thương mại điện tử	3	CLO3
		Quản trị thương hiệu	3	CLO2, CLO3
		Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3,A	CLO2, CLO3
		Quản trị bán lẻ	3	CLO3
		Quản trị quan hệ khách hàng	3	CLO3
		Thực hành quản trị bán lẻ	3,A	CLO2
		Digital marketing	3	CLO3
		Quản trị kênh phân phối	3	CLO3, CLO4
		Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	3,A	CLO3, CLO4
		Tuyển dụng nhân lực	3	CLO4
		Phát triển nguồn nhân lực	3	CLO4
		Thực hành tuyển dụng nhân lực	3,A	CLO3, CLO5
		Quan hệ lao động	3	CLO4
		Tổ chức và định mức lao động	3	CLO4
		Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3, A	CLO3
PLO7		Tiếng Anh 1	2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
		Tiếng Anh 2	2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

	Sử dụng tiếng Anh thành thạo ở mức B1 để giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc của đơn vị	Tiếng Anh 3	3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
		Tiếng Anh 4	3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
PLO8	**Sử dụng** được tư duy phản biện, ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp để phát triển sự nghiệp	Triết học Mác-Lênin	2	CLO3
		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	CLO4
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CLO3
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CLO3
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CLO4
		Pháp luật đại cương	2	CLO4
		Kỹ năng nhận thức bản thân	2	CLO4
		Kỹ năng phỏng vấn xin việc	2	CLO4
		Quản trị đổi mới sáng tạo	3,A	CLO5
		Khởi sự kinh doanh	3,A	CLO2, CLO3
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO4
		Khóa luận tốt nghiệp	3,A	CLO5
PLO9	**Ứng dụng** được công nghệ thông tin và các giải pháp công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành doanh nghiệp	Hệ thống thông tin quản lý	2	CLO3, CLO4
		Thực hành quản trị nhân lực	3,A	CLO3
		Thực hành quản trị bán hàng	3	CLO5
		Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	3	CLO2
		Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	3,A	CLO2, CLO3
PLO10	**Thực hiện** được các quyết định tác nghiệp cơ bản trong quản trị doanh nghiệp phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh	Pháp luật kinh tế	2	CLO3
		Kế toán quản trị	2	CLO3
		Quản trị nhân lực	2	CLO4
		Quản trị tài chính	2	CLO5
		Quản trị sản xuất	2	CLO4
		Quản trị bán hàng	2	CLO4
		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	CLO4

		Thực hành quản trị nhân lực	3	CLO2
		Thực hành quản trị tài chính	3,A	CLO3, CLO4
		Thực hành quản trị bán hàng	3,A	CLO4
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3	CLO3
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO3
PLO11a	**Tạo lập** và **trình bày** được chiến lược kinh doanh, dự án kinh doanh khả thi nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của doanh nghiệp	Quản trị chất lượng	2	CLO3
		Quản trị dự án	2	CLO3
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3,A	CLO4
		Thực hành mô phỏng chiến lược	3,A	CLO2, CLO3
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO2
		Khóa luận tốt nghiệp	3,A	CLO1
		Thương mại điện tử	3	CLO3
		Quản trị thương hiệu	3	CLO4
		Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	CLO5
PLO11b	**Xây dựng** và **triển khai** được kế hoạch bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng của doanh nghiệp	Quản trị bán lẻ	2	CLO4
		Quản trị quan hệ khách hàng	2	CLO4
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3, A	CLO4
		Thực hành quản trị bán lẻ	3, A	CLO4
		Thực tập cuối khoá	3, A	CLO2
		Khóa luận tốt nghiệp	3, A	CLO1
		Digital marketing	3	CLO2
		Quản trị kênh phân phối	3	CLO5
		Marketing khách hàng tổ chức	3	CLO5
PLO11c	**Xây dựng** và **thực thi** được kế hoạch thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của doanh nghiệp	Tuyển dụng nguồn nhân lực	3, A	CLO3
		Phát triển nguồn nhân lực	3, A	CLO3
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3	CLO4
		Thực hành tuyển dụng nhân lực	3, A	CLO2, CLO4, CLO6
		Thực tập cuối khoá	3, A	CLO2

		Khóa luận tốt nghiệp	3, A	CLO1
		Quan hệ lao động	3	CLO5
		Tổ chức và định mức lao động	3	CLO5
		Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3	CLO4
PLO12	**Chứng minh** được khả năng làm việc độc lập và quản lý công việc hiệu quả	Toán ứng dụng trong kinh tế	2	CLO5
		Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	2,A	CLO3
		Kinh tế vĩ mô	2	CLO5
		Marketing căn bản	2	CLO6
		Thực hành quản trị nhân lực	2	CLO6
		Thực hành quản trị tài chính	3	CLO5, CLO6
		Thực hành quản trị bán hàng	3	CLO6
		Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	3,A	CLO4
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO6
		Khóa luận tốt nghiệp	3	CLO6
PLO13	**Chứng minh** được khả năng tự học tập suốt đời, liên tục cập nhật và vận dụng kiến thức mới để phát triển nghề nghiệp	Triết học Mác-Lênin	2	CLO4
		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	CLO5
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CLO4
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CLO4
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CLO5
		Xác suất thống kê	2	CLO5
		Kinh tế vi mô	2	CLO4
		Quản trị học	2	CLO3
		Lý thuyết hạch toán kế toán	2	CLO4
		Tài chính tiền tệ	2	CLO4
		Kế toán doanh nghiệp	2	CLO4
		Pháp luật kinh tế	2	CLO3
		Hệ thống thông tin quản lý	2	CLO5
		Kế toán quản trị	2	CLO4

		Hành vi tổ chức	2	CLO5
		Quản trị nhân lực	2	CLO5
		Quản trị tài chính	2	CLO6
		Quản trị sản xuất	2	CLO6
		Quản trị bán hàng	2	CLO5
		Phân tích hoạt động kinh doanh	2	CLO5
		Thực hành quản trị tài chính	2	CLO7
		Quản trị chiến lược	2	CLO5
		Quản trị kinh doanh quốc tế	2	CLO3
		Quản trị marketing	2	CLO5
		Truyền thông marketing tích hợp	2	CLO5
		Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	2	CLO4
		Quản trị rủi ro	2	CLO3
		Quản trị chuỗi cung ứng	2	CLO4
		Quản trị Logistics	2	CLO4
		Quản trị đổi mới sáng tạo	2	CLO6
		Khởi sự kinh doanh	2	CLO6
		Quản trị chất lượng	2	CLO4
		Quản trị dự án	2	CLO4
		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3,A	CLO5
		Thực hành mô phỏng chiến lược	3	CLO6
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO7
		Khóa luận tốt nghiệp	3,A	CLO7
		Thương mại điện tử	3	CLO4
		Quản trị thương hiệu	3,A	CLO5
		Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3,A	CLO6

		Quản trị bán lẻ	2	CLO5
		Quản trị quan hệ khách hàng	2	CLO5
		Thực hành quản trị bán lẻ	2	CLO5
		Digital marketing	3,A	CLO4
		Quản trị kênh phân phối	3,A	CLO6
		Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	3	CLO6
		Tuyển dụng nhân lực	2	CLO5
		Phát triển nguồn nhân lực	2	CLO5
		Thực hành tuyển dụng nhân lực	3	CLO6
		Quan hệ lao động	3	CLO6
		Tổ chức và định mức lao động	3,A	CLO6
		Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	3,A	CLO5
PLO14	**Thích ứng** với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh	Văn hoá kinh doanh	2,A	CLO4
		Kế toán doanh nghiệp	2	CLO5
		Pháp luật kinh tế	2,A	CLO4
		Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	CLO4
		Thực tập cuối khoá	3,A	CLO8
		Khóa luận tốt nghiệp	3,A	CLO8

PHỤ LỤC 2: CÔNG CỤ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRIC)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2a: Đánh giá bài tập

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Phương pháp giải	30	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)	
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tuỳ mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)	
Kết quả	15	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tuỳ mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)	
Trình bày bài giải	15	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)	
Điểm tổng						

Rubric 2b: Đánh giá bài tập

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Trình bày bài tập	30	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	
Thời gian thực hiện lượng bài tập	20	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định	
Chất lượng nội dung bài tập	50	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	
Điểm tổng						

Rubric 3a. Đánh giá thuyết trình (cá nhân)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý	
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ	

Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng	
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoàng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ	
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi	
Điểm tổng						

Rubric 3b. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý	
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ	
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng	

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoàng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ	
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	
Điểm tổng						

Rubric 4. Đánh giá Bảo vệ và thi vấn đáp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Kỹ năng trình bày	10	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù hợp, dễ hiểu	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin	

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Nội dung chính 1	30	Ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi	
Nội dung chính 2	30	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	
Nội dung chính 3	30	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	
Điểm tổng						

Rubric 5a: Đánh giá bài thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ	
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng	
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn		Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		
Điểm tổng						

Rubric 5b. Đánh giá tiểu luận/Báo cáo thu hoạch

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Cấu trúc		05	Đúng theo quy định, cấu trúc sắp xếp hợp lý	Đúng theo quy định, cấu trúc sắp xếp khá hợp lý	Tương đối theo quy định, cấu trúc sắp xếp tương đối hợp lý	Không theo quy định, cấu trúc sắp xếp thiếu hợp lý	
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp	
	Các nội dung thành phần (ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung)	40	Đáp ứng 80-100% yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 40-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% theo yêu cầu	
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic	
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ	
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán	
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả	
Điểm tổng							

Rubric 5c: Đánh giá PROJECT

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Thái độ tham gia	Nêu ý tưởng	05	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng	
	Lập kế hoạch thực hiện	05	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý	
Quá trình thực hiện project	Giai đoạn chuẩn bị	10	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	Không chuẩn bị được điều kiện nào	
	Giai đoạn thực hiện	10	Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp	Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa	
		10	Triển khai đúng kế hoạch	Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được	
	Mức độ đạt được mục tiêu thành phần	20	Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)				
Báo cáo kết quả	Nội dung báo cáo	10	- Báo cáo tiến trình thực hiện - Thuyết minh sản phẩm - Bài học rút ra				-
	Trình bày báo cáo	10	Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình				
	Sản phẩm	20	Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết				
Điểm tổng							

Rubric 6a: Đánh giá thực tập tại doanh nghiệp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Chấp hành nội quy của đơn vị	10	Luôn chấp hành tốt, không vi phạm nội quy	Hiếm khi vi phạm, có ý thức chấp hành	Đôi khi vi phạm, nhắc nhở mới sửa	Thường xuyên vi phạm, không chấp hành	
Thái độ làm việc	10	Rất tích cực, chủ động, luôn hoàn thành nhiệm vụ	Tích cực, chủ động, hoàn thành phần lớn nhiệm vụ	Thụ động, cần nhắc nhở mới làm việc	Rất thụ động, không hoàn thành nhiệm vụ	
Ý thức học hỏi	10	Chủ động học hỏi, tự tìm hiểu, áp dụng kiến thức mới	Có ý thức học hỏi, tiếp thu kiến thức khi được hướng dẫn	Học hỏi ở mức cơ bản, ít chủ động	Không chịu học hỏi, không tiếp thu kiến thức	
Tinh thần đồng đội	10	Luôn hỗ trợ, hợp tác tốt với đồng nghiệp	Hợp tác với đồng nghiệp khi cần thiết	Hợp tác ở mức trung bình, đôi khi thiếu phối hợp	Không hợp tác, gây khó khăn cho nhóm	
Kiến thức, kỹ năng thu nhận	60	Thu nhận rất tốt, vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng	Thu nhận đủ, vận dụng tốt kiến thức, kỹ năng	Thu nhận cơ bản, vận dụng còn hạn chế	Thu nhận kém, không vận dụng được kiến thức, kỹ năng	
Điểm tổng						

Rubric 6b: Đánh giá báo cáo thực tập

Tiêu chí		Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Tiến độ nộp các báo cáo		5	Đúng hạn	Trễ 1/2 ngày	Trễ 1 ngày	Trễ từ 2 ngày trở lên	
Báo cáo thực tập	Nội dung	70	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chặt chẽ, logic	Trình bày khá rõ ràng, khá đầy đủ, khá trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận khá chặt chẽ, khá logic	Trình bày tương đối rõ ràng, tương đối đầy đủ, tương đối trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận tương đối chặt chẽ, tương đối logic	Trình bày chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chưa chặt chẽ, chưa logic	

Tiêu chí			Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
	Hình thức	Bố cục	5	Chặt chẽ, mạch lạc, hợp lý, đúng quy định	Tương đối chặt chẽ, hợp lý	Chưa cân đối, chưa tương xứng giữa các phần	Bố cục rời rạc, không đúng quy định	
		Trình bày và văn phong khoa học	5	Rõ ràng, khoa học, không lỗi chính tả/ngữ pháp/định dạng	Rõ ràng, còn vài lỗi nhỏ	Còn khá nhiều lỗi, trình bày chưa mạch lạc	Cẩu thả, nhiều lỗi chính tả, định dạng, khó đọc	
		Trích dẫn tài liệu và danh mục tài liệu tham khảo	5	Đầy đủ, đúng quy định, tài liệu phong phú, đáp ứng nội dung	Đa số nội dung quan trọng được trích dẫn, danh mục đầy đủ	Trích dẫn còn thiếu sót nhiều, danh mục ít, chỉ đáp ứng một vài nội dung	Không trích dẫn, danh mục sơ sài, không đáp ứng nội dung	
Chấp hành quy chế đào tạo			5	Luôn tuân thủ nghiêm túc, nhận xét rất tốt từ công ty thực tập	Tuân thủ tốt, nhận xét tốt	Có tuân thủ, có nhận xét từ công ty thực tập	Thiếu tuân thủ, thường xuyên bị nhắc nhở, nhận xét chưa tốt	
Trao đổi, thảo luận với giảng viên hướng dẫn			5	Chủ động, trả lời đầy đủ, có cơ sở tất cả câu hỏi, thảo luận sâu	Trả lời đầy đủ đa số câu hỏi, có sự chủ động	Trả lời được một số câu hỏi, trao đổi còn hạn chế	Không trao đổi, trả lời không đầy đủ, thiếu cơ sở	
Điểm tổng								

Rubric 7a: Đánh giá khoá luận tốt nghiệp (của người hướng dẫn)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Hình thức	10	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Còn một số ít lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Còn lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ đáp ứng được yêu cầu	Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
Bố cục	10	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, bố cụ logic, chặt chẽ	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, bố cục logic	Đầy đủ các phần và độ dài còn hạn chế	Không theo quy định, không logic	
Tài liệu tham khảo	10	Phong phú, được sắp xếp đúng quy	Đủ, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng	Không đủ tài liệu tham khảo đã trích dẫn, còn	Rất ít tài liệu tham khảo, sắp xếp không đúng	

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
		định, trích dẫn đúng thể thức	thể thức	có tài liệu sắp xếp chưa đúng quy định, trích dẫn chưa thể thức	quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận	10	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu còn hạn chế, cơ sở lý luận bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu rất hạn chế/không phù hợp, cơ sở lý luận không bám sát đề tài	
Phương pháp nghiên cứu	20	Phương pháp nghiên cứu đa dạng và thích hợp, phương pháp chọn mẫu đúng	Phương pháp nghiên cứu thích hợp, phương pháp chọn mẫu đúng	Phương pháp nghiên, phương pháp chọn mẫu còn tồn tại hạn chế về mặt lập luận	Phương pháp nghiên cứu không thích hợp, phương pháp chọn mẫu không đúng	
Thu thập và xử lý, phân tích dữ liệu	20	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và phù hợp	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu phù hợp	Phương pháp thu thập số liệu; xử lý, phân tích số liệu còn tồn tại hạn chế về mặt kỹ thuật	Phương pháp thu thập số liệu không hợp lý; xử lý, phân tích số liệu không đúng kỹ thuật và không phù hợp	
Kết quả nghiên cứu và kết luận	20	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận rất phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận chưa thật phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận không phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	
Điểm tổng						

Rubric 7b: Đánh giá khóa luận tốt nghiệp đối với hình thức lập hội đồng đánh giá KLTN (của thành viên hội đồng)

Tiêu chí		Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Khối lượng, hình thức và cấu trúc	Khối lượng (50-80 trang, không kể phụ lục	10	Khối lượng số trang không kể phụ lục đúng theo quy định	Khối lượng số trang không kể phụ lục gần đúng theo quy định	Khối lượng số trang không kể phụ lục sai lệch so với quy định	Khối lượng số trang không kể phụ lục quá ít so với quy định	
	Hình thức trình bày	10	Hình thức trình bày: Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Hình thức trình bày: Còn có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Hình thức trình bày: Còn lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ đáp ứng được yêu cầu	Hình thức trình bày: Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
	Cấu trúc các phần	10	Cấu trúc các phần: Rất cân đối	Cấu trúc các phần: Cân đối	Cấu trúc các phần: tương đối cân đối	Cấu trúc các phần: không cân đối	
Chất lượng nội dung KLTN	Cở sở lý thuyết	15	Đáp ứng từ 80 đến 100% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 70% đến khoảng 80% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 50% đến khoảng 70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
	Nội dung và kết quả	20	Đáp ứng từ 80 đến 100% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 70% đến khoảng 80% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 50% đến khoảng 70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
	Mức độ sáng tạo, triển vọng của đề tài	15	Đáp ứng từ 80 đến 100% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 70% đến khoảng 80% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 50% đến khoảng 70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Chất lượng bảo vệ		5	Đúng trọng tâm, nói rõ, tự tin, thuyết phục, đúng thời gian	Đúng trọng tâm, nói rõ, tự tin, còn có sai lệch thời gian nhưng không đáng kể	Có nội dung chưa đúng trọng tâm, nói không rõ, còn thiếu tự tin, có sai lệch thời gian	Không đúng trọng tâm, nói nhỏ, thiếu tự tin, không đúng thời gian	
Trả lời câu hỏi		15	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 các câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 các câu hỏi	
Điểm tổng							

Rubric 7c: Đánh giá khóa luận tốt nghiệp đối với hình thức chấm KLTN (của thành viên chấm)

Tiêu chí		Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm	Điểm
Khối lượng, hình thức và cấu trúc	Khối lượng (50-80 trang, không kể phụ lục	10	Khối lượng số trang không kể phụ lục đúng theo quy định	Khối lượng số trang không kể phụ lục gần đúng theo quy định	Khối lượng số trang không kể phụ lục sai lệch so với quy định	Khối lượng số trang không kể phụ lục quá ít so với quy định	
	Hình thức trình bày	10	Hình thức trình bày: Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Hình thức trình bày: Còn có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Hình thức trình bày: Còn lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ đáp ứng được yêu cầu	Hình thức trình bày: Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
	Cấu trúc các phần	10	Cấu trúc các phần: Rất cân đối	Cấu trúc các phần: Cân đối	Cấu trúc các phần: tương đối cân đối	Cấu trúc các phần: không cân đối	
Chất lượng nội dung KLTN	Cơ sở lý thuyết	20	Đáp ứng từ 80 đến 100% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 70% đến khoảng 80% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 50% đến khoảng 70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
	Nội dung và kết quả	30	Đáp ứng từ 80 đến 100% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 70% đến khoảng 80% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 50% đến khoảng 70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
	Mức độ sáng tạo, triển vọng của đề tài	20	Đáp ứng từ 80 đến 100% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 70% đến khoảng 80% theo yêu cầu	Đáp ứng từ 50% đến khoảng 70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Điểm tổng							